

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *47* /2013/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày *17* tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành bổ sung Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2013 đã ban hành kèm theo

CÔNG THÔNG TIN ĐẾN	
ĐẾN	Số: <i>8701</i>
	Ngày: <i>24/10</i>

Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ Về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: 2424/TTr-STC ngày 07 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng hệ số điều chỉnh giá đất bổ sung Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2013 trên địa bàn thành phố Bảo Lộc đã ban hành theo Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng, để làm cơ sở:

1. Xác định nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (công nhận quyền sử dụng đất) đối với đất đang sử dụng của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng đối với diện tích đất ở vượt hạn mức sử dụng (hạn mức giao).

2. Xác định nghĩa vụ tài chính khi chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng không phải đất ở sang đất ở của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng đối với diện tích đất ở vượt hạn mức sử dụng (hạn mức giao).

Điều 2. Chủ tịch UBND thành phố Bảo Lộc có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Thuế và các phòng ban chuyên môn có liên quan thuộc UBND thành phố Bảo Lộc triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi Trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND thành phố Bảo Lộc; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /- *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến

BỔ SUNG BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2013
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG
(Kèm theo Quyết định số: 47 /2013/QĐ-UBND ngày 17 / 10 /2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá 2013 (1.000đ/ m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất (K _{TT})
	<u>PHƯỜNG I:</u>		
36	Nhánh số N1a, N1, N2, D1a, D1, D2-Quy hoạch tiểu khu Bắc Hà Giang	2.880	1,20
37	Nhánh số D3, N3, N4-Quy hoạch tiểu khu Bắc Hà Giang	4.680	1,20
38	Nhánh số D12, D13, D14, D15, D16, D17, D19, D21, D23-Quy hoạch trung tâm mở rộng Hà Giang	2.600	1,20
39	Nhánh số D8, D10, D11, N12, N13, N14, N15, N18, N20, N22-Quy hoạch trung tâm mở rộng Hà Giang	1.500	1,20
40	Nhánh số 9 (đoạn từ Lương Thế Vinh đến hết khu TĐC P5, P6)-Khu quy hoạch trung tâm mở rộng Hà Giang	1.700	1,20
41	Nhánh số ND1, ND2, D5, D8, D9, D10, D11, D12, D13, N3, N7, N8-Khu quy hoạch dân cư 14A	800	1,00
42	Nhánh số N4, N6- Khu quy hoạch dân cư 14A	1.200	1,00
43	Nhánh số 148 Lê Hồng Phong (đường vào TTVH phụ nữ)	5.000	1,20
44	Nhánh số 49 đường Hà Giang	800	1,20
45	Nhánh số 35 đường Hồ Tùng Mậu	700	1,20
46	Nhánh số 07, 33, 43, 73, 189 đường Bùi Thị Xuân	600	1,20
47	Nhánh số 200 đường Lý Thường Kiệt; hẻm số 1 đường Mê Linh; các hẻm số 5, 11, 25, 47 đường Hoàng Văn Thụ, tổ dân phố 13, 4	480	1,00
	<u>PHƯỜNG II:</u>		
32	Nhánh số D1,D3, D4, D6, D7, D9, ND1, ND3, N1, N5, N9-Quy hoạch dân cư 14A	800	1,00
33	Nhánh số D2-Quy hoạch dân cư 14A	1.200	1,00
34	Nhánh số N1, N2, N3-Quy hoạch dân cư tái định cư Nguyễn Khuyến	1.600	1,20
35	Nhánh số 79 Huỳnh Thúc Kháng (từ Huỳnh Thúc Kháng đến N1 quy hoạch dân cư TĐC Nguyễn Khuyến)	800	1,20

36	Nhánh số N1-Quy hoạch tập thể Bệnh viện II Đinh Tiên Hoàng	2.661	1,20
37	Nhánh số 82 đường Lê Văn Tám nối dài (đối diện số nhà 82 Quy hoạch dân cư, tái định cư Nguyễn Văn Trỗi)	2.661	1,20
38	Nhánh số 286, 336 Chu Văn An	560	1,20
39	Nhánh số 12, 56 Lý Thái Tổ	430	1,20
	<u>PHƯỜNG LỘC SƠN</u>		
9	Nhánh số 152, 154, 158, 160, 162, 166 đường Nguyễn Văn Cừ.	756	1,20
10	Nhánh số 114 đường Lam Sơn.	360	1,20
11	Nhánh số 2A đường Đội Cấn	1.140	1,20
12	Nhánh số 2B, 2M đường Đội Cấn	1.050	1,20
13	Nhánh số 2E đường Đội Cấn	756	1,20
14	Nhánh số N1 đường Trần Phú (trước bến xe cũ)	7.400	1,20
15	Nhánh số N1, N2, N3, N4, N5, D1, D2, D3 Quy hoạch dân cư khu 6B, Lộc Sơn	1.500	1,20
16	Nhánh số N1-Quy hoạch dân cư, tái định cư KCN Lộc Sơn (khu vực trường tiểu học Lộc Sơn cũ)	850	1,20
17	Nhánh số D1: Quy hoạch dân cư, TĐC -KCN Lộc Sơn (khu vực trường TH Lộc Sơn cũ)	750	1,20
18	Nhánh số D2, D3, N2, N3, N5, N6 Quy hoạch dân cư, tái định cư KCN Lộc Sơn	850	1,20
19	Nhánh số D7, D8-Quy hoạch dân cư, tái định cư KCN Lộc Sơn	452	1,20
20	Nhánh số D1, D4, D5, D6, N1 Quy hoạch dân cư, tái định cư KCN Lộc Sơn	950	1,20
21	Nhánh số N4 (từ D1 đến D7) Quy hoạch dân cư, tái định cư KCN Lộc Sơn	1.100	1,20
22	Nhánh số 4 (sau D7 đến Trần Hưng Đạo) Quy hoạch dân cư, tái định cư KCN Lộc Sơn	600	1,20
	<u>PHƯỜNG LỘC PHÁT</u>		
18	Nhánh số 776B, 808 đường Nguyễn Văn Cừ.	600	1,20
19	Nhánh số 81 đường Tăng Bạt Hổ	600	1,20
20	Nhánh số 142, 164, 172 đường Nguyễn Đình Chiểu	780	1,20
21	Nhánh số ND1, ND2, D2, D1, N1, N2, N3-Quy hoạch dân cư tái định cư khu phố 7	1.000	1,20
22	Nhánh số N10, N11, D4, D5, D6, D7-Quy hoạch dân cư, tái định cư đông Hồ Nam Phương 2	1.000	1,20
23	Nhánh số N5, N6, N7, N8, N9-Quy hoạch dân cư tái định cư đông Hồ Nam Phương 2	1.100	1,20
24	Nhánh số QH1, QH2 (DVBT 1- Quy hoạch dân cư tái định cư đông Hồ Nam Phương 2)	800	1,20
25	Nhánh số 202 đường Lý Thường Kiệt, tổ dân phố 2	480	1,20
	<u>PHƯỜNG B'LAO</u>		
10	Nhánh số 729 đường Trần Phú (từ Trần Phú đến hết đất thuê của Công ty cổ phần truyền hình cáp NTH)	5.000	1,20

11	Nhánh số N1-Quy hoạch khu dân cư, tái định cư khu phố 3 (Trần Quốc Toàn đoạn qua khu dân cư)	800	1,20
12	Nhánh số N2; N3; N4, D1; D2: D3-Quy hoạch khu dân cư, tái định cư khu phố 3	700	1,20
	<u>PHƯỜNG LỘC TIỀN</u>		1,20
14	Nhánh số 8, 9, 10-Quy hoạch khu dân cư, tái định cư khu phố 3	550	1,20
15	Nhánh số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7-Quy hoạch khu dân cư, tái định cư khu phố 3	500	1,20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *lll*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Tiến